

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 100/2020/HS-PT
Ngày: 17 - 9 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quảng Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 66/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Thị Hồng Diễm và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2020/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

-Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Phạm Thị Hồng D sinh ngày 17/10/1979 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ 4, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm An K và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có chồng và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 28/9/2019, ngày 08/11/2019 được thay đổi biện pháp tạm giam sang biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Lê Trung H3 sinh ngày 01/10/1986 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Mã T, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang H và bà Phạm Thị L; có vợ và một con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 08/2010/HSPT; năm 2011 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương làm ăn sinh sống; bị bắt tạm giam tại Trại

tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 25/9/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

3. Mai Thị H1 sinh ngày 10/8/1983 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Minh C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; giới tính : Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Mai Xuân P và bà Trần Thị M; có chồng và hai con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2017 bị công an huyện Tuyên Hoá xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/9/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

4. Trần Đình N sinh ngày 20/3/1992 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/11/2019 phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá xử phạt 05 năm tù tại bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

-Bị hại có kháng cáo:

Bà Đình Thị N1 sinh năm 1974; cư trú tại: thôn Minh C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đình Thị N: Ông Phạm Xuân H- Luật sư- Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn H, địa chỉ: địa chỉ: Phòng 204, Tòa nhà NO, khu đô thị P, T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Ngoài ra trong vụ án còn có người bị hại i chị Nguyễn Thị Thuý H 2 nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/5/2019, do nghi ngờ anh H về quê giỗ mẹ ở xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình có đưa theo người tình tại thành Phố P tỉnh Gia Lai tên là H2 về cùng, D điện thoại cho Mai Thị H1 (là chị dâu của D) nhờ Mai Thị H1 xin số điện thoại của Lê Trung H3 là người D có quen do trước đây có quan hệ làm ăn với D để tính chuyện đánh ghen . H1 đồng ý và đọc số điện thoại của H3 cho D. Sau khi có số điện thoại H1 gửi, D gọi điện thoại cho H3 và thuê H3 tìm người tình của anh H để

đánh cảnh cáo, đồng thời dẫn H3 ra chỗ H1 để lấy trước một phần tiền công . H3 đồng ý. Sau đó, D gửi ảnh người mà D cho là người tình của anh H qua mạng xã hội Facebook để H3 biết. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H3 rủ Trần Đình N đến nhà Hạnh lấy số tiền 500.000 đồng. Sau đó H3, Hạnh và D liên lạc với nhau, D và Hạnh thông tin cho H3 là anh Hoan và người tình đang ở thị trấn Đồng Lê, D bảo H3 đi tìm để đánh dần mặt. H3 mượn xe mô tô BKS 73D1 - 107.41 là xe của Ninh, rồi rủ Phạm Thái H4 đi Đồng Lê để tìm chị H2 nhưng không thấy. Khi đi H3 không nói cho H4 biết mục đích đi tìm người để đánh nên H4 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo . Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 12/5/2019, D điện thoại cho H1 và H3 biết là anh H và người tình đang ở nhà của chị Đinh Thị N1 là em dâu của D ở xã P, huyện T. Sau khi nhận tin xong, H3 ra phía sau hồi nhà của mình lấy một thanh kim loại dẹt, dài khoảng 30 cm, rộng khoảng 3cm giấu vào trong tay áo. H3 rủ thêm Trần Đình N cùng đi đánh người tình của anh H và N đồng ý. H3 điều khiển xe chở Đến ngã ba chợ Minh Cầm, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình rồi dừng xe đứng đợi. Một lúc sau có ánh đèn của xe khách Tuấn Linh đến đón trả khách, H3 bảo N chạy vào đường nhánh gần chợ Minh Cầm đứng đợi. Lúc này chị Đinh Thị N1 điều khiển xe mô tô chở chị Nguyễn Thị Thúy H2 đi từ nhà ra hướng Quốc lộ 12A để chị H2 đón xe Tuấn Linh vào tỉnh Bình Phước. Khi thấy ánh đèn xe mô tô chạy hướng từ phía trong chợ Minh Cầm ra, H3 cho rằng đây là xe có chở người tình của anh H mà D đã nói trước đó, nên đã rút thanh kim loại ra khỏi tay áo của mình, rồi lao ra đánh liên tục vào người của chị H2 ngồi phía sau xe, khi chị H2 bỏ chạy thì H3 tiếp tục đánh nhiều cái vào vùng đầu của chị N1. Bị đánh chị N1 và chị H2 la hét kêu cứu, H3 liền lên xe N đang đợi sẵn, rồi bảo N điều khiển xe mô tô chở H3 bỏ chạy. Trên đường chạy về nhà, H3 đã vút thanh kim loại gây án. Khoảng 08 giờ cùng ngày, H3 gọi điện báo cho D biết đã đánh được người rồi. D bảo H3 “đánh nhằm người rồi”. Trưa ngày 12/5/2019 D bảo H3 ra nhà Mai Thị H lấy số tiền 2.000.000 đồng và khoảng một tuần sau D bảo Hạnh đưa tiếp cho H3 số tiền 2.500.000 đồng. D và H1 điện thoại bảo H3 phải giữ bí mật không được nói cho ai biết. Số tiền 5.000.000 đồng lấy từ Mai Thị H1, H3 đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị đánh, chị N1 được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hoá, sau đó chuyển vào Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba - Đồng Hới điều trị từ ngày 12/5/2019 đến ngày 16/5/2019, rồi tiếp tục chuyển vào Bệnh viện Trung ương Huế điều trị từ ngày 16/5/2019 đến ngày 24/5/2019 thì ra viện. Còn chị H2 được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện T sau đó chuyển vào Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba - Đồng Hới điều trị đến ngày 21/5/2019 thì ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 76/TgT ngày 18/7/2019 của Trung tâm giám định Y khoa pháp Y tỉnh Quảng Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với chị Đinh Thị N1 là 23% (hai mươi ba phần trăm) thương tích do vật tày gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 289/2019/TgT ngày 01/10/2019 của Trung tâm giám định Y khoa pháp Y tỉnh Bình Phước kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với chị Nguyễn Thị Thúy H2 là 05 % (năm phần trăm), thương tích do vật tày gây nên.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã thu giữ: Một máy điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, số IMEI 359580055848822, bên trong có gắn thẻ sim 0382255444, máy đã cũ, bên trong không kiểm tra.

Đối với thanh kim loại mà Lê Trung H3 đã dùng làm hung khí gây án, sau khi gây án H3 đã vứt ở ruộng lúa. Ngày 02 tháng 10 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đinh Thị N1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Bị hại chị Nguyễn Thị Thúy H2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H3, Mai Thị H1 và Trần Đình N đã tự nguyện bồi thường các khoản tiền viện phí và tiền tổn thất tinh thần cho chị Đinh Thị N1 với tổng số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng chẵn), tại các biên lai số: 0000412, 0000410, 0000406, 0000408 ngày 09/3/2020; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H2 số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn), tại các biên lai số: 0000407, 0000409, 0000411, 0000413 ngày 09/03/2020.

Cáo trạng số: 15/CT-VKSTH-HS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo: Phạm Thị Hồng D, Mai Thị H1, Lê Trung H3 và Trần Đình N về tội "cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 19/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ Luật hình sự năm 2015.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H3, Mai Thị H1 và Trần Đình N phạm tội: "Cố ý gây thương tích" .

- Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Phạm Thị Hồng D 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Thị Hồng D về cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Lê Trung H3 21 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/9/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Mai Thị H1 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Mai Thị H1 về cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s , r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Trần Đình N 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, buộc bị cáo Trần Đình N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2019.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 48 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động loại NOKIA 105, số IMEI 359580055848822, bên trong có gắn thẻ sim 0382255444, máy đã cũ, bên trong không kiểm tra là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 BLDS buộc các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H3, Mai Thị H1 và Trần Đình N phải liên đới bồi thường cho bị hại Đinh Thị N1 số tiền là 81.348.000đ (tám mươi một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Các bị cáo D, H3, Hạnh và N đã bồi thường trước cho người bị hại Đinh Thị N1 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), số tiền các bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 41.348.000đ (bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cho người bị hại Đinh Thị N1 theo phần mỗi bị cáo 10.337.000đ (mười triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự tách riêng yêu cầu bồi thường dân sự của người bị hại Nguyễn Thị Thuý H2 ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự trong một vụ án khác.

4.Án phí: Các bị cáo D, H3, H1, N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 517.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên vấn đề trả lãi đối với số tiền bồi thường chậm trả; vấn đề thoả thuận, tự nguyện, cưỡng chế, quyền yêu cầu và thời hiệu thi hành án; quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại.

Ngày 22/6/2020, người bị hại Đinh Thị N có đơn kháng cáo cho rằng một số nội dung của vụ án chưa được làm rõ , hình phạt đối với các bị cáo chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật , chưa đủ tính răn đe , thuyết phục ; phần trách nhiệm dân sự chưa tương xứng với thiệt hại thực tế do tội phạm gây ra . Do đó, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm để vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 10/9/2020 tại buổi làm việc với Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình để làm rõ nội dung kháng cáo, bị hại Đinh Thị N1 giải thích rõ nội dung kháng cáo yêu cầu chỉ tăng hình phạt và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Phạm Thị Hồng D và Mai Thị H1, không yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Trung H3 và Trần Đình N. Tại phiên toà phúc thẩm trong phần tranh luận, bị hại Đinh Thị N1 rút kháng cáo phần đề nghị tăng hình phạt và không cho hưởng án treo đối với bị cáo Phạm Thị Hồng D; giữ nguyên yêu cầu buộc các bị cáo tăng mức bồi thường và yêu cầu về hình phạt đối với bị cáo H1.

Ngày 02/7/2020, bị cáo Lê Trung H3 có đơn kháng cáo với các nội dung sau:

1.Mức hình phạt 21 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng , bởi lẽ trong vụ án này bị cáo đã động viên gia đình khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính.

2.Bị cáo đã đề nghị Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá trả hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ vai trò người chủ mưu trong vụ án. Phạm Thị Hồng D và Mai Thị H1 là người khởi xướng vụ án nhưng Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá chưa làm rõ hành vi của Phạm Thị Hồng D và Mai Thị H1.

3.Bị cáo cho rằng có một số tình tiết quan trọng của vụ án bị cáo chưa khai ra nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 01/7/2020, bị cáo Trần Đình N có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt 15 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng , đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm , Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án , đề nghị Hội đồng xét xử y án về hình phạt đối với bị

cáo Mai Thị H1, xem xét giảm án cho bị cáo Lê Trung H3 và Trần Đình N vì có tình tiết mới; tăng mức bồi thường dân sự phần tổn thất tinh thần cho bị hại Đinh Thị N1;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại Đinh Thị N1 tăng hình phạt và không cho bị cáo Mai Thị H1 được hưởng án treo, vì bị cáo H1 đã từng bị xử phạt hành chính; buộc các bị cáo bồi thường thêm cho bị hại Đinh Thị N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do nghi ngờ chồng mình là Nguyễn Văn H đưa người tình tại thành phố P, tỉnh Gia Lai tên là H5 về quê anh H tại xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, Phạm Thị Hồng D đã liên lạc qua điện thoại thuê Lê Trung H3 tìm chị H5 để đánh dần mặt. Để thực hiện được việc giao tiền, bị cáo D đã liên hệ với chị dâu của mình là Mai Thị H1, cư trú tại xã P, huyện T để nhờ H1 giao tiền cho H3. Lê Trung H3 đã chấp nhận việc thuê đánh chị H5 của Phạm Thị Hồng D, nhưng đã đánh nhầm người, gây thương tích cho các bị hại là các chị Đinh Thị N1 và Nguyễn Thị Thuý H2 với tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra lần lượt là 23% và 5%. Khi đánh chị N1 và chị H2, H3 đã dùng một thanh kim loại dài 30cm, rộng 3cm để đánh vào đầu và vào người hai bị hại này. Việc dùng loại hung khí gì để đánh do H3 quyết định, bị cáo Phạm Thị Hồng D không hướng dẫn, chỉ đạo, nhưng cũng không dặn dò, ngăn cản H3 không được sử dụng hung khí, để mặc hậu quả xảy ra. Vì vậy hành vi trên của bị cáo Phạm Thị Hồng D là phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, với vai trò là người chủ mưu. Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì người phạm tội là người chủ mưu là một trong những trường hợp không được hưởng án treo. Do đó việc án sơ thẩm cho bị cáo D hưởng án treo là trái Nghị quyết này. Tuy vậy tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại Đinh Thị N1 đã rút một phần kháng cáo về phần kháng cáo hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Hồng D, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung này.

[2]. Bị cáo Mai Thị H1 là người giúp sức bị cáo Mai Thị Hồng D trả tiền công thuê đánh người cho Lê Trung H3, cụ thể giúp đỡ H3 được nhận một phần tiền trước, và sau khi thực hiện hành vi đánh người dễ dàng nhận phần tiền còn lại ở H1 trong điều kiện D ở xa. Với sự giúp đỡ này của H1, Lê Trung H3 dễ dàng hơn trong việc nhận lời với D là đi tìm đánh người phụ nữ tên là H5. Mai Thị H1 vào năm 2017 đã bị xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, tuy nhiên trong vụ án này chỉ tham gia với vai trò thứ yếu, tính chất và mức độ ít nghiêm trọng như đã phân tích ở trên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại

các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ là nộp thêm số tiền 10.337.000đồng để bồi thường cho bị hại. Vì vậy, xét thấy cần giữ nguyên mức án 18 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo như Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp.

[3]. Bị cáo Lê Trung H3 là người được Phạm Thị Hồng D thuê đánh người, quá trình thực hiện tội phạm thể hiện vai trò tích cực, là người trực tiếp dùng thanh kim loại đánh vào các vị trí nguy hiểm trên cơ thể nạn nhân Đinh Thị N1, gây thương tích cho các nạn nhân với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 23% và 5%. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2010 đã bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy dù có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng, mức án 21 tháng tù đối với bị cáo là không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo có cung cấp thêm tài liệu một số người xác nhận bị cáo có công cứu người đuối nước. Tuy nhiên, tài liệu này chính quyền xã chỉ xác nhận chữ ký, không xác nhận sự việc, nên không đủ độ tin cậy để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó không thể thoả mãn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo H3 được, cần giữ nguyên mức hình phạt 21 tháng tù của Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo.

[4]. Quá trình điều tra và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, hành vi, vai trò của các bị cáo cũng như các vấn đề khác của vụ án này đã được làm rõ, do đó không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Trung H3 về việc phải trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để làm rõ hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo.

[5]. Bị cáo Trần Đình N tham gia vụ án với vai trò chở giúp bị cáo Lê Trung H3 bằng phương tiện xe mô tô đi tìm chị H5 để đánh, sau đó chở H3 trở về lại nhà. Trần Đình N phạm tội do cả nể, không hưởng lợi vật chất trong việc H3 nhận tiền công từ việc được thuê đánh người. Do đó mức án 15 tháng tù là mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo là thoả đáng, không nặng. Tuy nhiên tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo giúp bị cáo nộp thêm số tiền 2.000.000đồng để bồi thường cho bị hại Đinh Thị N1. Vì vậy cần xem xét tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Trần Đình N.

[6]. Về bồi thường dân sự, cấp sơ thẩm đã chấp nhận hầu hết các yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Đinh Thị N1. Riêng 03 khoản yêu cầu bồi thường là chi phí thiệt hại sức khoẻ 18.000.000đồng, chi phí thực phẩm bổ sung bệnh lý 5.000.000đồng, chi phí tổn thất tinh thần 69.500.000đồng, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận khoản thứ nhất 9.000.000đồng, khoản thứ hai 3.000.000đồng, khoản thứ ba là 48.650.000đồng. Xét thấy hiện tại bị hại Đinh Thị N1 sức khoẻ còn yếu, tinh thần chưa ổn định, nên cần nâng mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần từ 48.650.000đồng lên 52.298.000đồng (40 lần mức cơ sở).

[7]. Với các phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Đinh Thị N1 về tăng mức bồi thường dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần

Đình N vì giảm một phần hình phạt cho bị cáo N, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trung H3 về đề nghị được giảm án và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để làm rõ hành vi của các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Mai Thị H1, không chấp nhận phần kháng cáo của bị hại Đình Thị N về tăng hình phạt và không cho hưởng án treo đối với bị cáo Mai Thị H1.

[8]. Đối với số tiền 5.000.000 đồng Lê Trung H3 nhận từ Mai Thị H1 để thực hiện hành vi tìm đánh chị H5, lẽ ra cần phải buộc H3 nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã bỏ sót vấn đề này. Cấp phúc thẩm thấy rằng vấn đề này không có kháng cáo, kháng nghị, nên không có căn cứ để sửa án sơ thẩm. Tòa án cấp trên nếu thấy cần thiết sẽ xem xét giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm.

[9]. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cần được giữ nguyên.

[10]. Căn cứ điểm d Điều 12, điểm a, b, h khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo D, H3, H1, N phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 653.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm, buộc bị cáo Lê Trung H3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho người bị hại Đình Thị N1 đối với phần yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ giải quyết nội dung kháng cáo của bị hại Đình Thị N1 về yêu cầu tăng hình phạt và không cho bị cáo Phạm Thị Hồng D được hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm như sau:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Trung H3, Mai Thị H1, Trần Đình N, riêng bị cáo Trần Đình N căn cứ thêm điểm r khoản 1 Điều 51, bị cáo Mai Thị H1 căn cứ thêm Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Lê Trung H3 21 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/5/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trung H3 45 ngày để bảo đảm thi hành án (Có Quyết định tạm giam riêng);

- Xử phạt Mai Thị H1 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2020. Giao bị cáo Mai Thị H1 cho UBND xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì

thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt Trần Đình N 13 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt này với hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã có hiệu lực pháp luật, theo khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, hình phạt chung mà bị cáo Trần Đình N phải chấp hành là 06 năm 01 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 48 Bộ luật hình sự, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H3, Mai Thị H1 và Trần Đình N liên đới bồi thường cho bị hại Đinh Thị N1 số tiền 91.950.000đồng, đã bồi thường 40.000.000đồng, còn phải bồi thường tiếp là 52.298.000đồng, theo phần mỗi bị cáo 13.074.500đồng. (Trong gian đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Mai Thị H mỗi bị cáo đã nộp thêm số tiền bồi thường là 10.337.000đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; gia đình bị cáo Trần Đình N đã trực tiếp giao thêm cho bị hại Đinh Thị N1 số tiền 2.000.000đồng, nên các bị cáo trên được trừ số tiền đã nộp thêm này trong số tiền 13.074.500đồng mà mỗi bị cáo phải bồi thường).

Về án phí: Các bị cáo Lê Trung H3, Mai Thị H1, Trần Đình N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, 653.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Lê Trung H3 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị Hồng D phải chịu 653.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị bao gồm quyết định về xử lý vật chứng trong vụ án và quyết định về buộc bị cáo Phạm Thị Hồng D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (do đây là trường hợp các bên không có thoả thuận).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 17/9/2020.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND, VKSND, CA huyện
Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- PV 06 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo trong vụ án;
- Lưu: AV; Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Quảng Lực